BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Lý
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Lý
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Lý Mã SV: 1412401172

Lớp: QT1802K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hải Ngọc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Hải Ngọc.
- Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Hải Ngọc.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế. tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 của Công ty Cổ Phần Hải Ngọc

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ Phần Hải Ngọc

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hải Ngọc

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
Hoàng Thị Lý	ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên : Trần Thị Thanh Thảo

Đơn vị công tác : Khoa Quản Trị Kinh Doanh

Họ và tên sinh viên : Hoàng Thị Lý Ngành: Kế toán kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty Cổ phần Hải Ngọc

Nội dung hướng dẫn : Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Hoàng Thị Lý trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp đã chấp hành tốt các yêu cầu quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian cũng như nội dụng yêu cầu của bài viết. Hơn nữa sinh viên Lý còn chăm chỉ chịu khó nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu về lý thuyết cũng như thực tế tại đơn vị thực tập phục vụ cho nội dung bài viết.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):

+Về lý luận: Đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo QĐ 48

+Về thực tiễn: Đã mô tả được chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hải Ngọc theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu năm 2016. Các số liệu tính toán minh họa khá phong phú đảm bảo tính logic theo trình tự kế toán từ chứng từ đến sổ sách kế toán đáp ứng được yêu cầu của bài khóa luận tốt nghiệp cử nhân. Từ việc đưa ra số liệu về tính hình thực tế tại công ty bài viết đã phân tích các ưu nhược điểm và đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Hải Ngọc nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp:

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

Lời mở đầu 1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 3
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 4
1.1.2.1 Doanh thu 4
1.1.2.2 Chi phí 6
1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh 7
1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 8
1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 8
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp 8
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng 8
1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng 9
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán 10
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán 12
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng 13
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng 13
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán 14
1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh chỉ dùng cho chế độ vừa và nhỏ 16
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng 16
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng 16
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán 16
1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính 18
1.2.4.2 Chứng từ sử dụng 18
1.2.4.3 Tài khoản sử dụng 18
1.2.4.4 Phương pháp hạch toán 19
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác 21

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng 21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng 21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán 21
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh 23
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng 23
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng..... 23
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán..... 24
1.2.7. Một số điểm khác nhau giữa Thông tư 133/2016/TT-BTC và Quyết định 48/2006/QD-BTC..... 26
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 27
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung 27
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái..... 28
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ [4]..... 29
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính..... 31
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP HẢI NGỌC 32
2.1. Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cp Hải Ngọc 32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Hải Ngọc..... 32
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty. 33
2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty..... 33
2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty. 33
2.1.2.3.Đặc điểm tổ chức kế toán. 35
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh , chi phí tại Công ty CP Hải Ngọc 36
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu,chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP Hải Ngọc 36
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 36
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Hải Ngọc..... 42
2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP Hải Ngọc..... 42
2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng..... 42
2.2.2.3 Ví dụ minh họa 44
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 48
2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cp Hải Ngọc [5] 48

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng 48
2.2.3.3 Quy trình hạch toán 48
2.2.3.4 Ví dụ minh họa 49
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP Hải Ngọc 54
2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP Hải Ngọc 54
2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng 54
2.2.4.3 Quy trình hạch toán 54
2.2.4.4 Ví dụ minh họa 55
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác : Công ty ko có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ nghiên cứu. 61
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc 61
2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng 61
2.2.6.2 Quy trình hạch toán 61
2.2.6.3 Ví dụ minh họa 61
CHƯƠNG III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP HẢI NGỌC 70
3.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán 70
3.2 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc 70
3.2.1 Ưu điểm 71
3.2.2 Hạn chế 73
3.3 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty Hải Ngọc 74
3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 74
3.3.2 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc 74
KẾT LUẬN 82
TÀI LIỆU THAM KHẢO 83

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên đầy đủ	Tên viết tắt
1	Cổ phần	CP
2	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
3	Tài sản cố định	TSCĐ
4	Giá trị gia tăng	GTGT
5	Tiêu thụ đặc biệt	TTĐB
6	Xuất nhập khẩu	XNK
7	Tài khoản	TK
8	Chiết khấu thương mại	CKTM
9	Bán hàng	BH
10	Quản lý doanh nghiệp	QLDN
11	Hoạt động tài chính	HĐTC
12	Tài khoản đối ứng	TKĐƯ
13	Bảo hiểm xã hội	BHXH
14	Bảo hiểm y tế	BHYT
15	Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
16	Số thứ tự	STT
17	Chi phí	CP
18	Doanh thu	DT
19	Chi phí quản lý doanh nghiệp	CPQLDN
20	Doanh thu tài chính	DTTC
21	Chi phí tài chính	CPTC

Lời mở đầu

1.Tình cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới như hiện nay sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra vô cùng gay gắt và quyết liệt. Tháng 11 năm 2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức Thương mại thế giới WTO. Đây là một cơ hội và thách thức không nhỉ cho các doanh nghiệp VIệt Nam nói chung và các doanh nghiệp vận tải như Công ty CP Hải Ngọc. Để tồn tại và phát triển vững trãi trên thị trường các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình những giải pháp cạnh tranh hiệu quả có thể đánh bật các đối thủ trên thương trường. Trong những giải pháp được đặt ra cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì giải pháp là xây dựng một bộ máy kế toán hiệu quả và phù hợp với mỗi doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng, là phần hành kế toán chủ yếu trong công tác kế toán của doanh nghiệp.Góp phần phục vụ đắc lực cho hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp,giúp doanh nghiệp tăng nhanh khả năng thu hồi vốn, kịp thời tổ chức quá trình kinh doanh tiếp theo,cung cấp thông tin nhanh chóng để từ đó doanh nghiệp phân tích ,đánh giá lựa chọn các phương án đầu tư có hiệu quả

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP Hải Ngọc, em quyết định chọn đề tài: **"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hải Ngọc"** cho bài khóa luận của mình

2.Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc

3 . Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu : Tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phạm vi nghiên cứu : Tại Công ty CP Hải Ngọc

4. **Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ , phương pháp tài khoản , phương pháp tính giá , phương pháp tổng hợp cân đối)
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. **Kết cấu của khóa học**

Ngoài phần mở đầu và kết luận , bài khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc

CHƯƠNG I
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- **Phương thức bán hàng trực tiếp**

Theo phương thức bán hàng trực tiếp người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi người doanh nghiệp giao hàng, người mua kí vào hóa đơn chứng từ bán hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng**

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

- **Phương thức bán hàng gửi đại lý**

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp**

Phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

❖ **Phương thức hàng đổi hàng**

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà Công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

➢ **Các khoản giảm trừ doanh thu**:

✓ **Chiết khấu thương mại**: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán hàng.

✓ **Giảm giá hàng bán**: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp: hàng hóa bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng…

✓ **Hàng bán bị trả lại**: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp**:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.
- Thuế xuất khẩu: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ tương ứng với doanh thu của doanh nghiệp đã xác định.

➢ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt đọng tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư phát triển, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản…

- **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí bao gồm các khoản sau:

- **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh là những khỏan chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, quản lý của doanh nghiệp như chi phí quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định, các khoản thuế lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài…

- **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi ohí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái…

- **Chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại, tiền phạt do vi phạm hợp đồng (nếu có).

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sảnxuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3 **Xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã… đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi ohí và xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất khi bán hàng, phiếu nhập kho bán hàng bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm chi;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng

❖ **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phán ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh. [2]

Kết cấu của tài khoản 511:

Bên Nợ:

Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

- TK 3332 "Thuế tiêu thụ đặc biệt"
- TK 3333 "Thuế xuất khẩu"
- TK 3331 "Thuế GTGT phải nộp"

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp

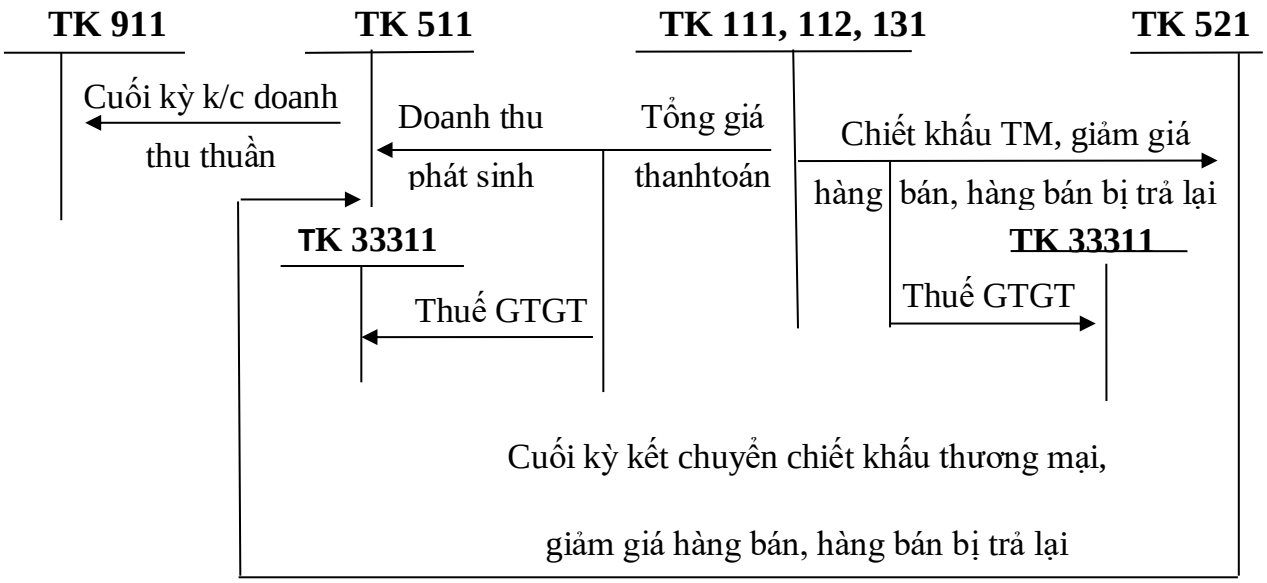

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý

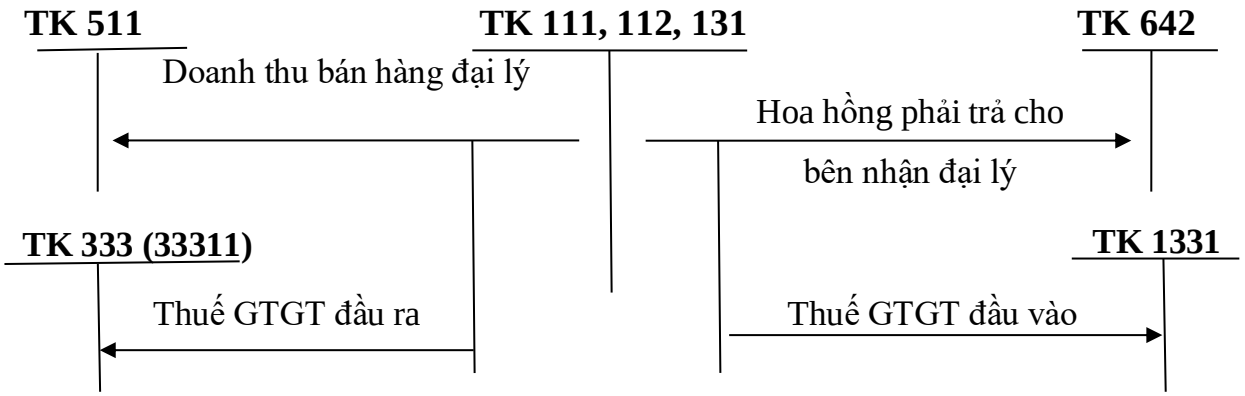

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp

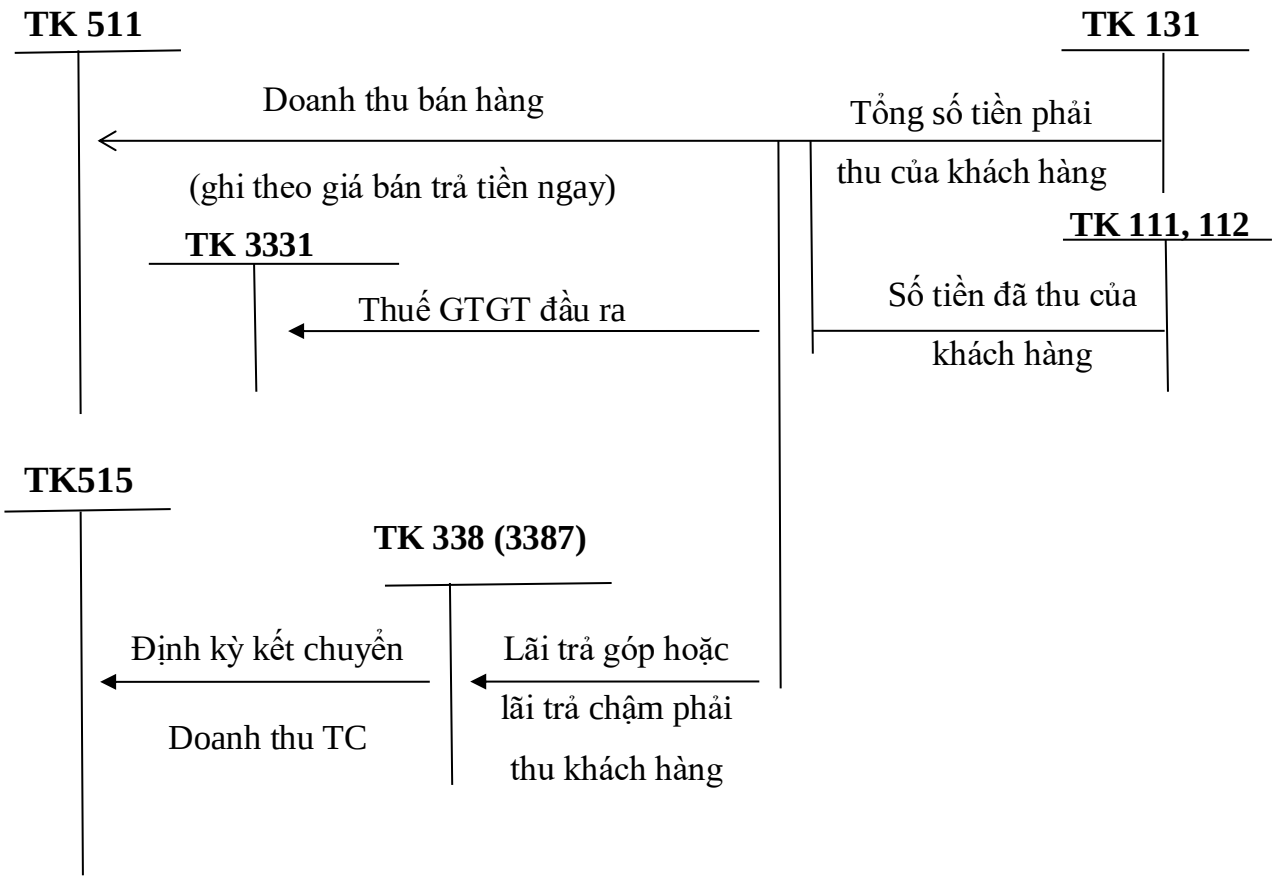

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

- **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá bình quân gia quyền

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ i} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}$$

- Phương pháp giá thực tế đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào sô lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trình lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào Bên Nợ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
- Kết chuyển gía vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào Bên Nợ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

❖ Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn… trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Bên Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 "Giá vốn hàng bán".
- Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang".

Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

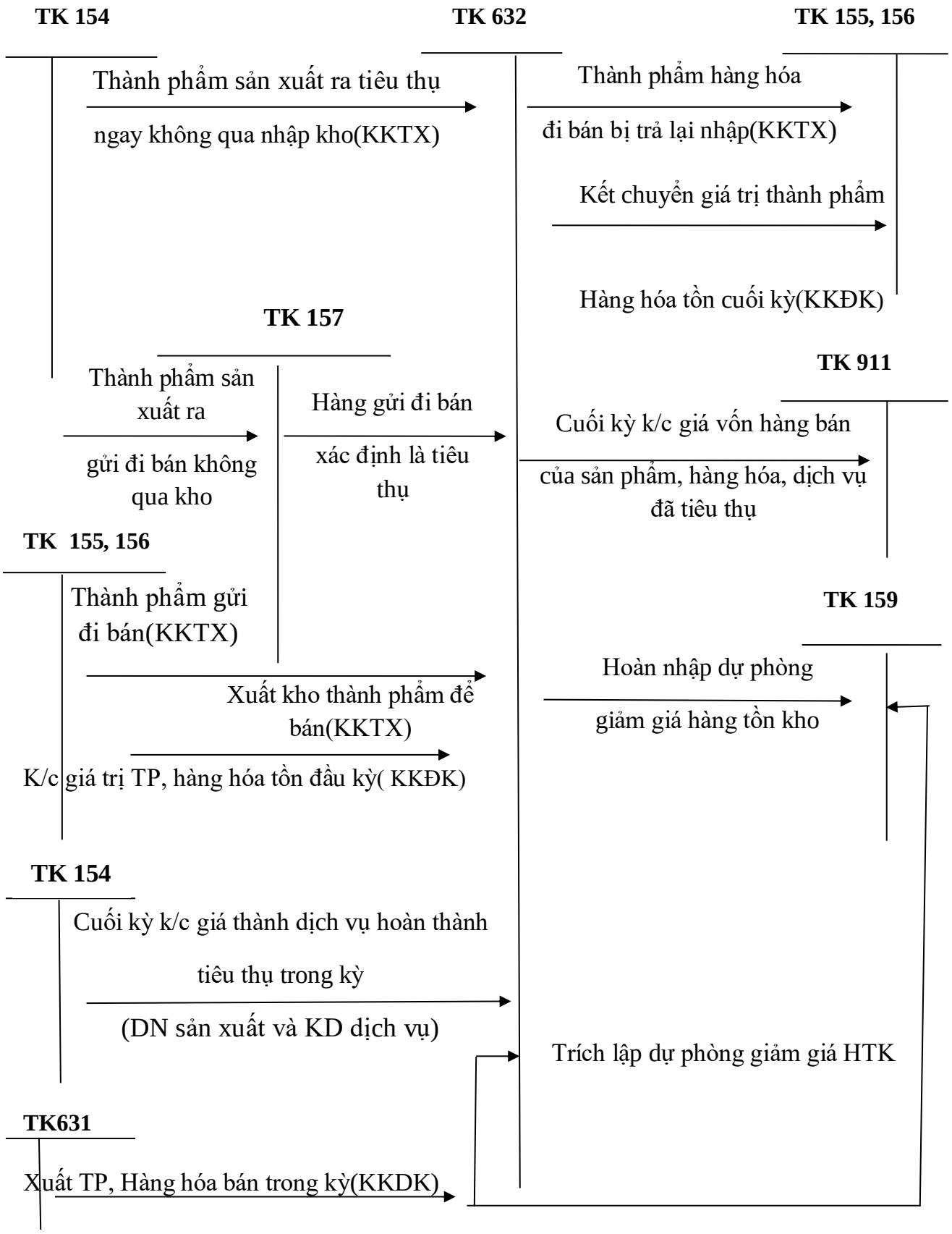

1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh chỉ dùng cho chế độ vừa và nhỏ

1.2.3.1Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và lao động xã hội.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung, chi phí về bán hàng của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp…); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

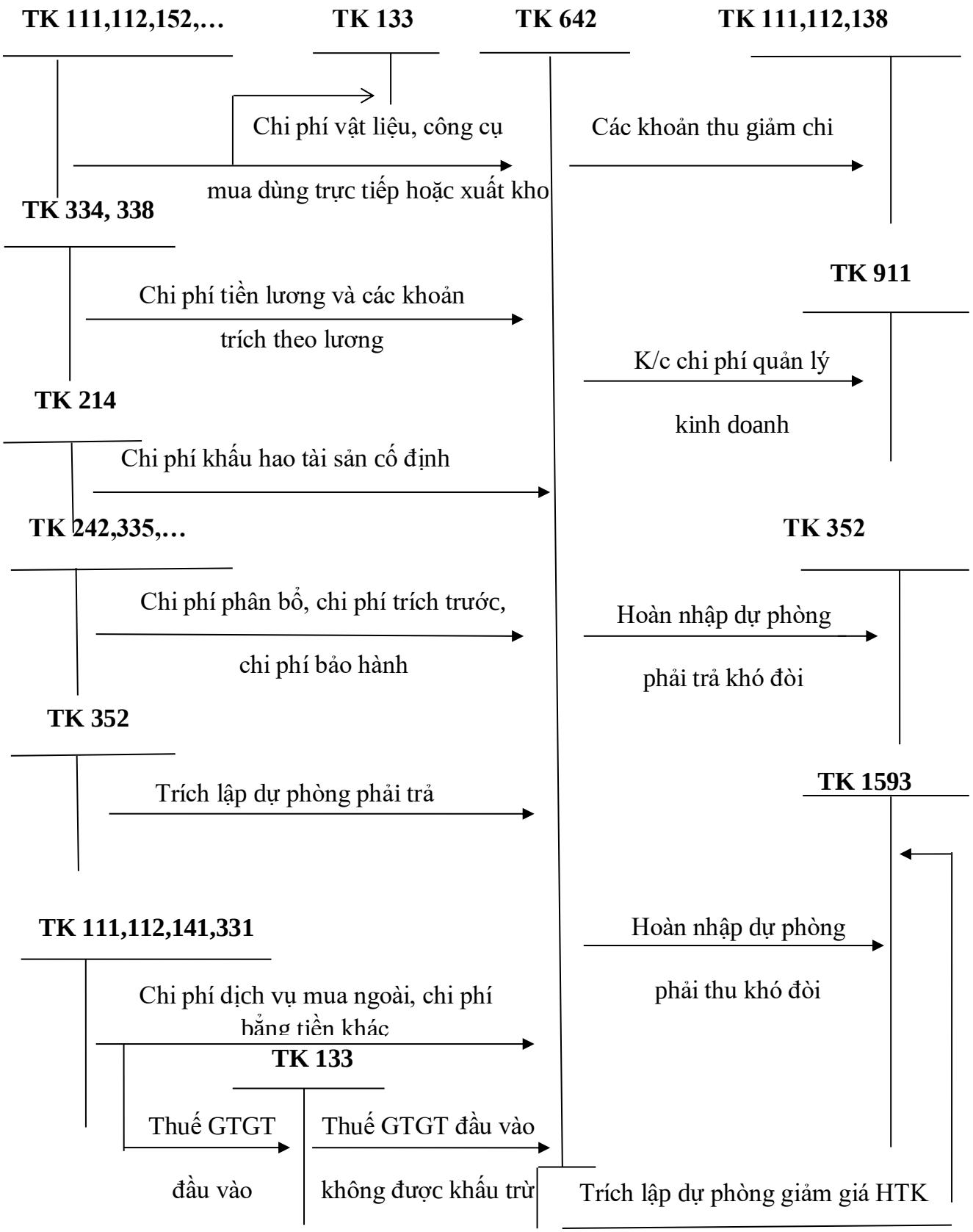

1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.3 Tài khoản sử dụng

❖ **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Bên Nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

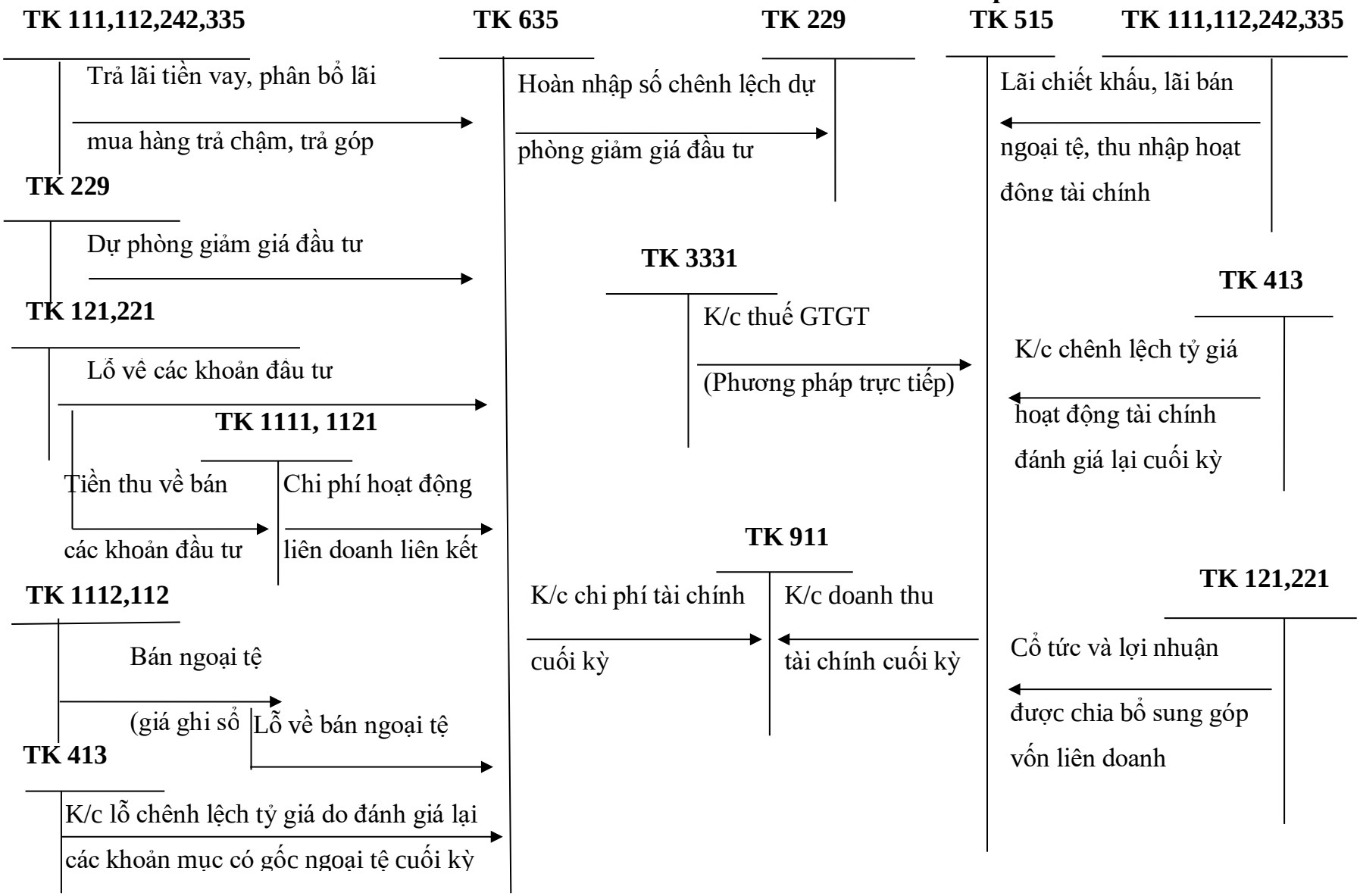

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí phát sinh

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khỏan 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.8:

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

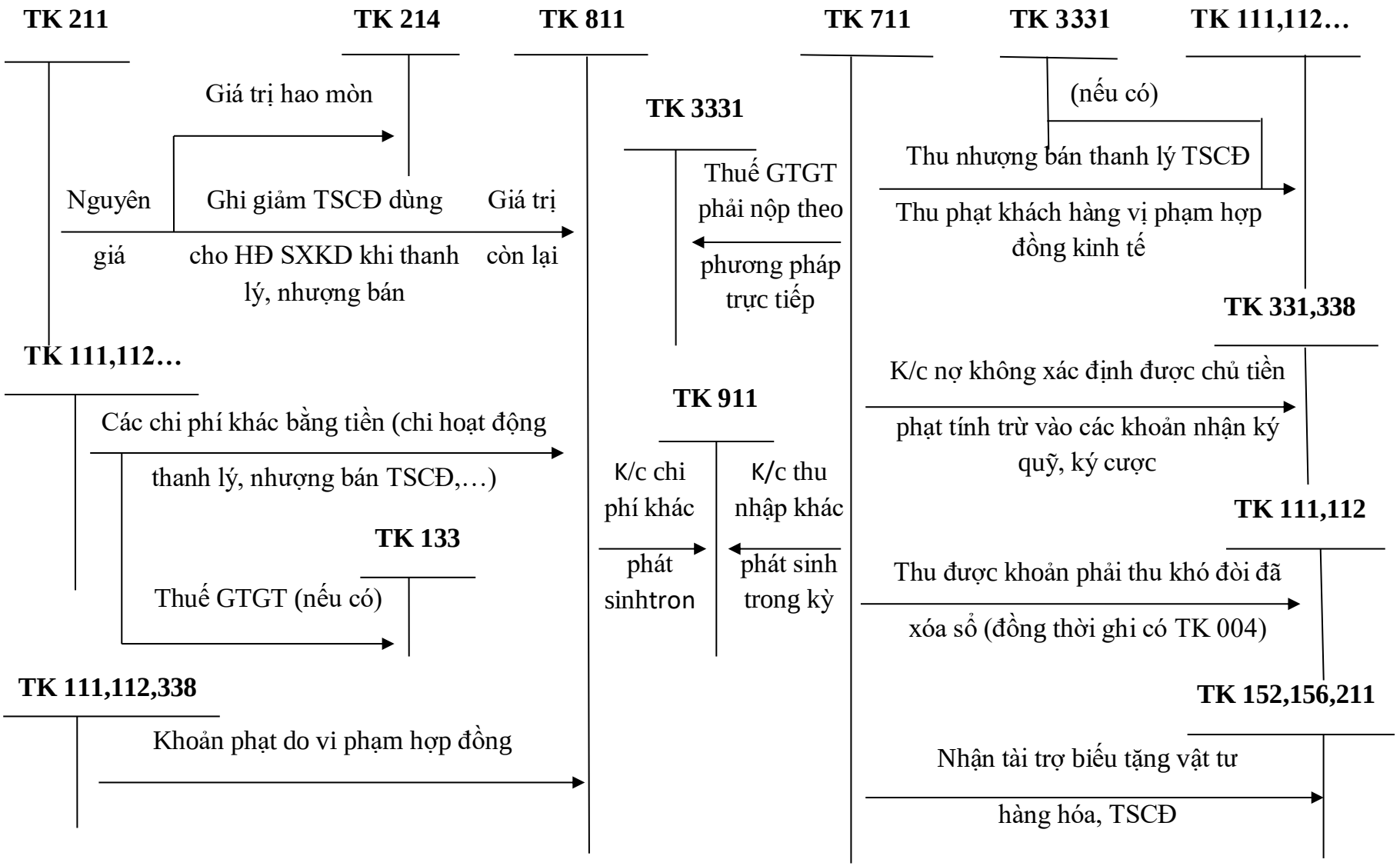

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinhdoanh**

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kế toán hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm giá chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- **Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.**

❖ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- **Bên Nợ:**

- Số lỗ về hpạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

- **Bên Có:**

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

- **Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:**

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.9:

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

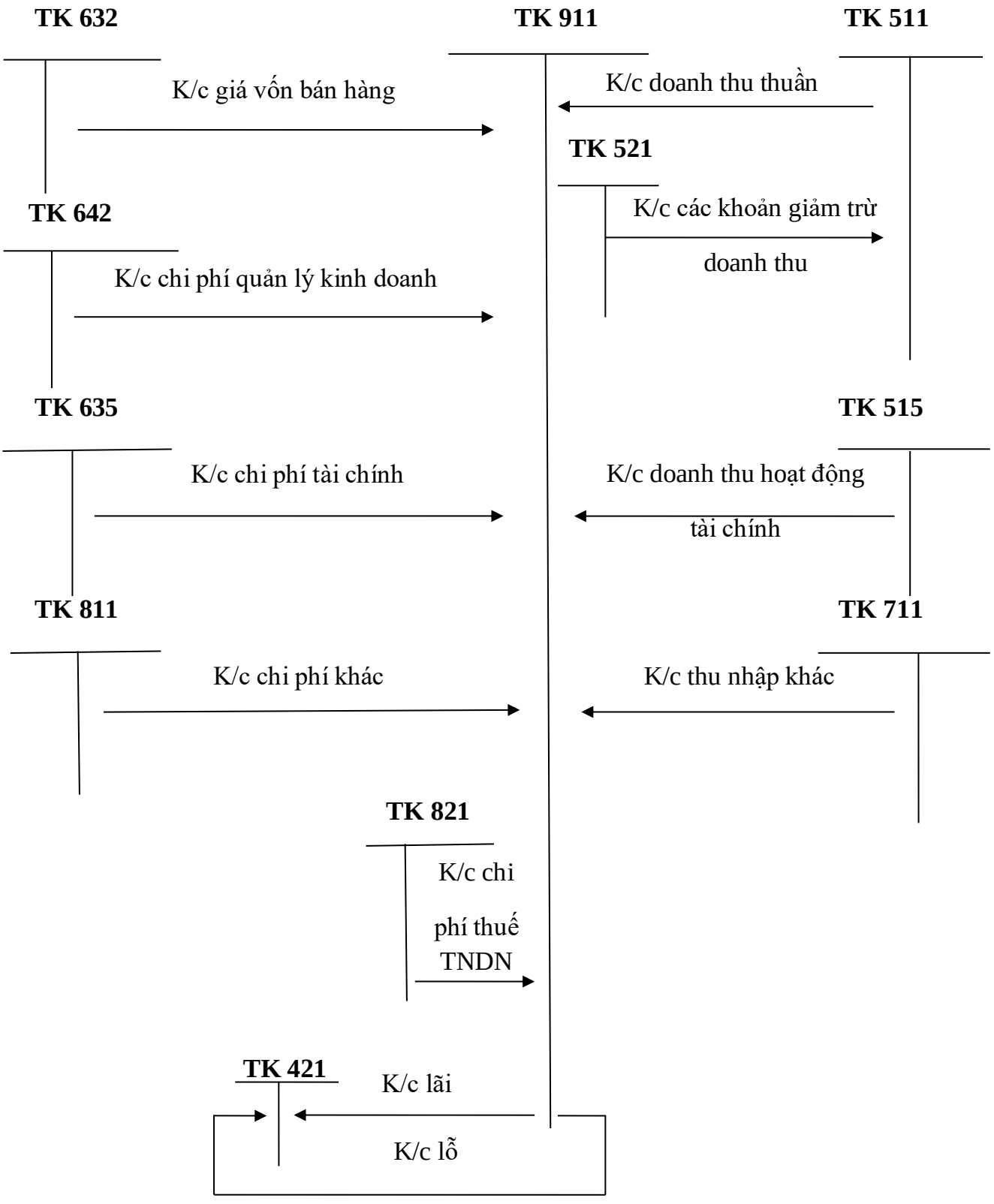

1.2.7. Một số điểm khác nhau giữa Thông tư 133/2016/TT-BTC và Quyết định 48/2006/QD-BTC

Thông tư 133

+ Chỉ quy định nguyên tắc kế toán

+ Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao BCTC đúng.

+ Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định

+ Doanh nghiệp được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra

+ Doanh nghiệp được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu

+ Doanh nghiệp Được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống…

Quyết định 48

Quy định chi tiết các bút toán định khoản

+ Ghi sổ theo Đồng Việt Nam

+ Việc ghi nhân doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là Hóa đơn GTGT hoặc Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

+ Quy định rõ biểu mẫu BCTC và doanh nghiệp phải áp dụng.

1. ***Báo cáo tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa***

a. Đối với doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục, sẽ gồm các báo cáo:

- *Báo cáo tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán)* => Gồm 2 mẫu và Doanh nghiệp được lựa chọn mẫu B01a hoặc B01b
  - Báo cáo tình hình tài chính (B01a -DNN) => Chỉ tiêu ít hơn, không chia ngắn hạn, dài hạn.
  - Báo cáo tình hình tài chính (B01b -DNN) => Nhiều chỉ tiêu nhiều hơn mẫu B01a và các khoản phải thu/phải trả tách ra ngắn hạn, dài hạn (giống mẫu của QĐ48 nhiều hơn so với mẫu B01a).
- *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
  - Thay đổi công thức tính chỉ tiêu **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** và chỉ tiêu **Các khoản giảm trừ doanh thu**:

▪ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** không bao gồm các loại thuế gián thu như: thuế GTGT (kể cả thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế, phí gián thu khác.

▪ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu **Các khoản giảm trừ doanh thu** không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp nhỏ và vừa không được hưởng, phải nộp NSNN (được kế toán ghi giảm doanh thu trên sổ kế toán TK 511)

▪ Thay đổi cách lấy số liệu các khoản giảm trừ doanh thu => Không lấy theo TK 521 nữa, mà lấy TK bên Nợ của 511 chi tiết theo từng khoản giảm trừ doanh thu.

▪ Thay đổi cách lấy số liệu chỉ tiêu **Thu nhập khác**, **Chi phí khác**:

▪ Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào **Thu nhập khác**.

▪ Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào **Chi phí khác**.

1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ ***Đặc trưng cơ bản:*** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ ***Các loại sổ chủ yếu:***

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ ***Trình tự ghi sổ:*** Hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.9

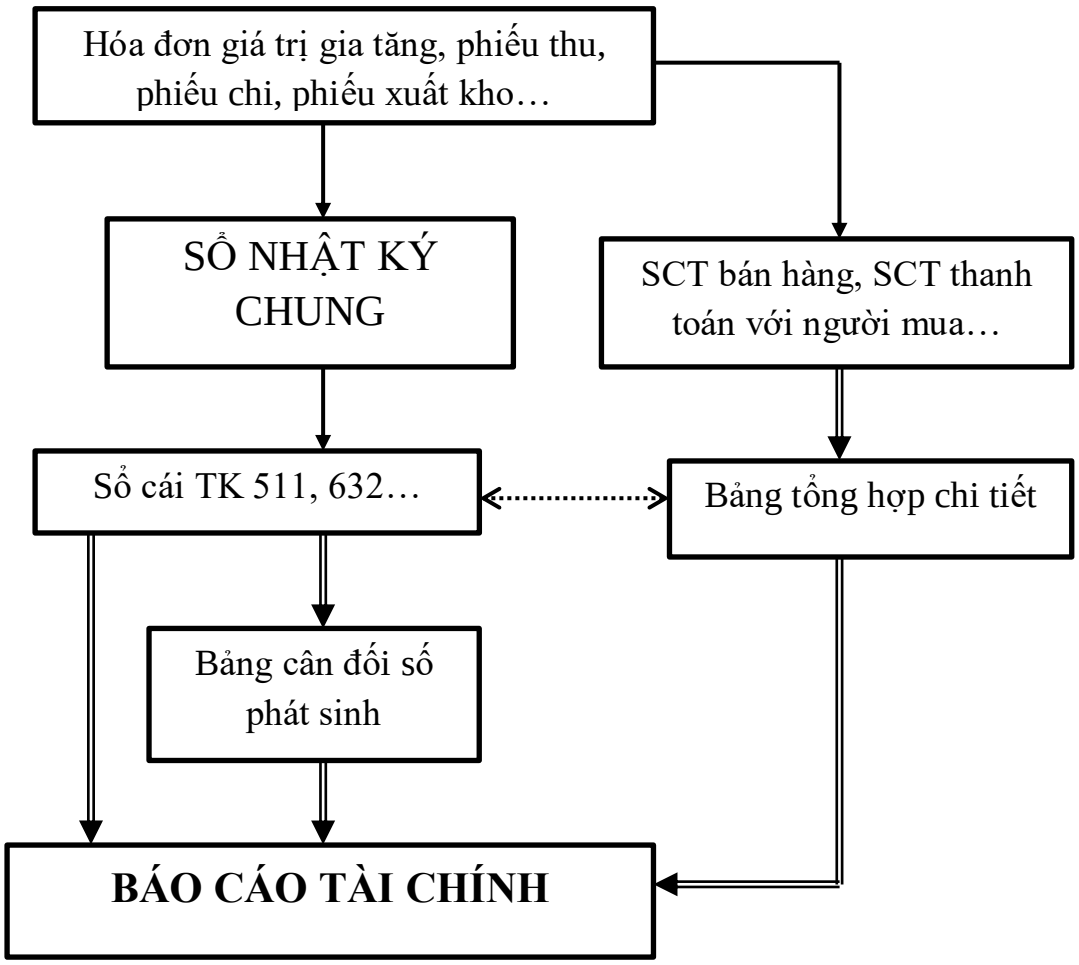

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

- ***Đặc trưng cơ bản:*** Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- ***Các loại sổ chủ yếu:***

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- ***Trình tự ghi sổ:*** Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.10

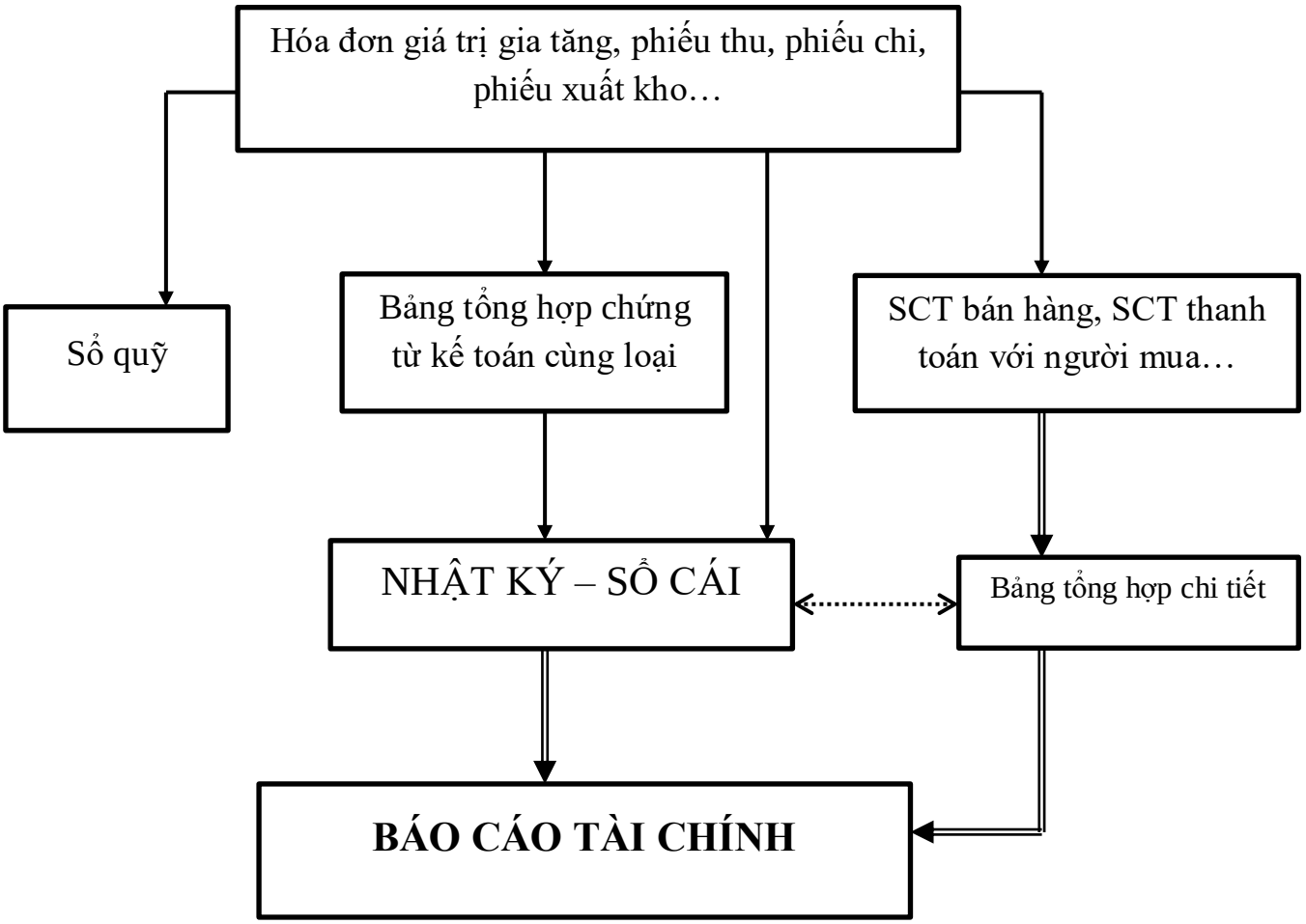

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký–Sổ cái

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ [4]

- ***Đặc trưng cơ bản:*** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ".
- ***Các loại sổ chủ yếu:***

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

- ***Trình tự ghi sổ:*** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.11

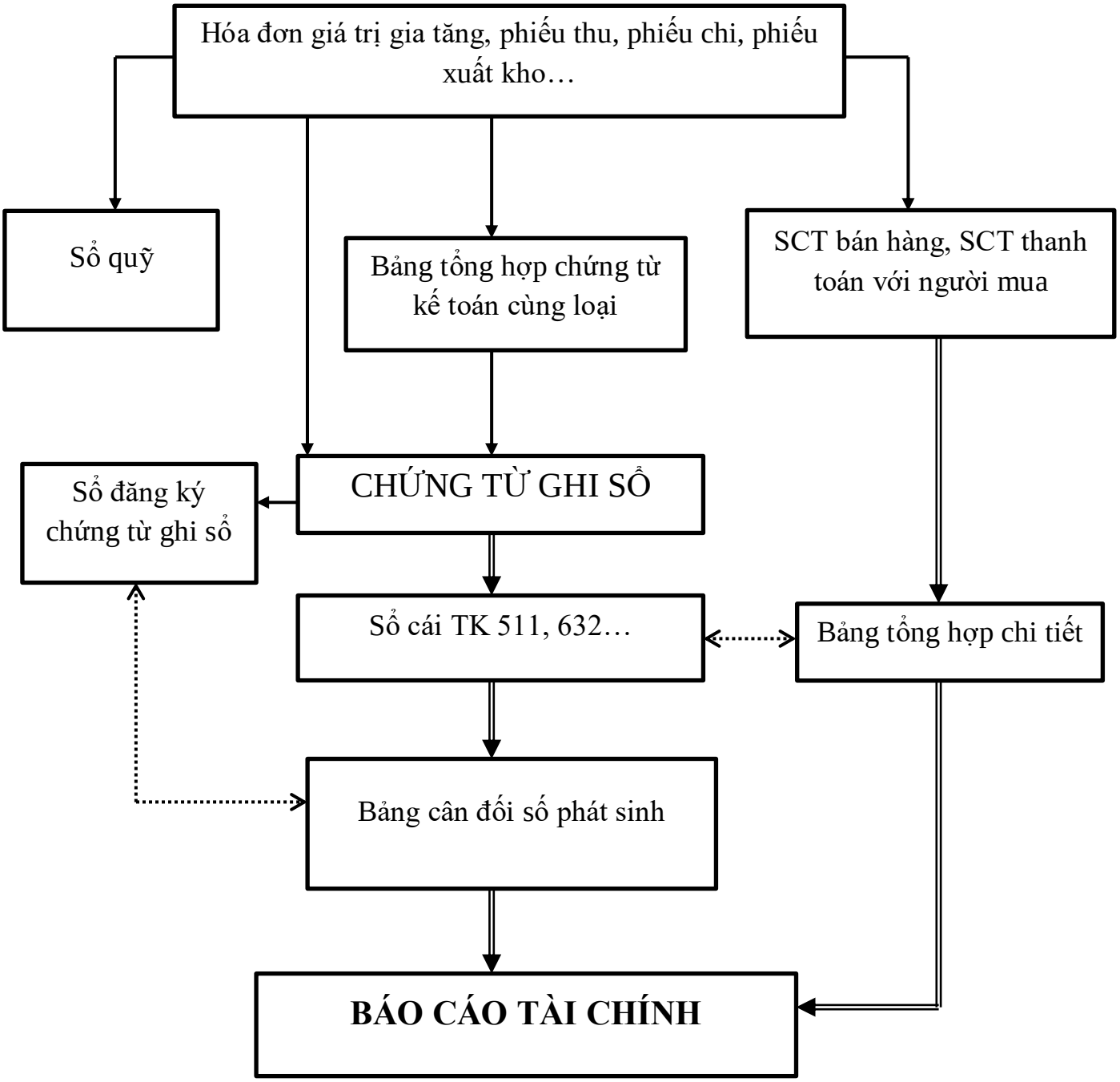

Ghi chú

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

- ***Đặc trưng cơ bản:*** Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ***Các loại sổ chủ yếu:*** Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có loại sổ của hình thức kế toán đó.
- ***Trình tự ghi sổ:*** Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ1.12

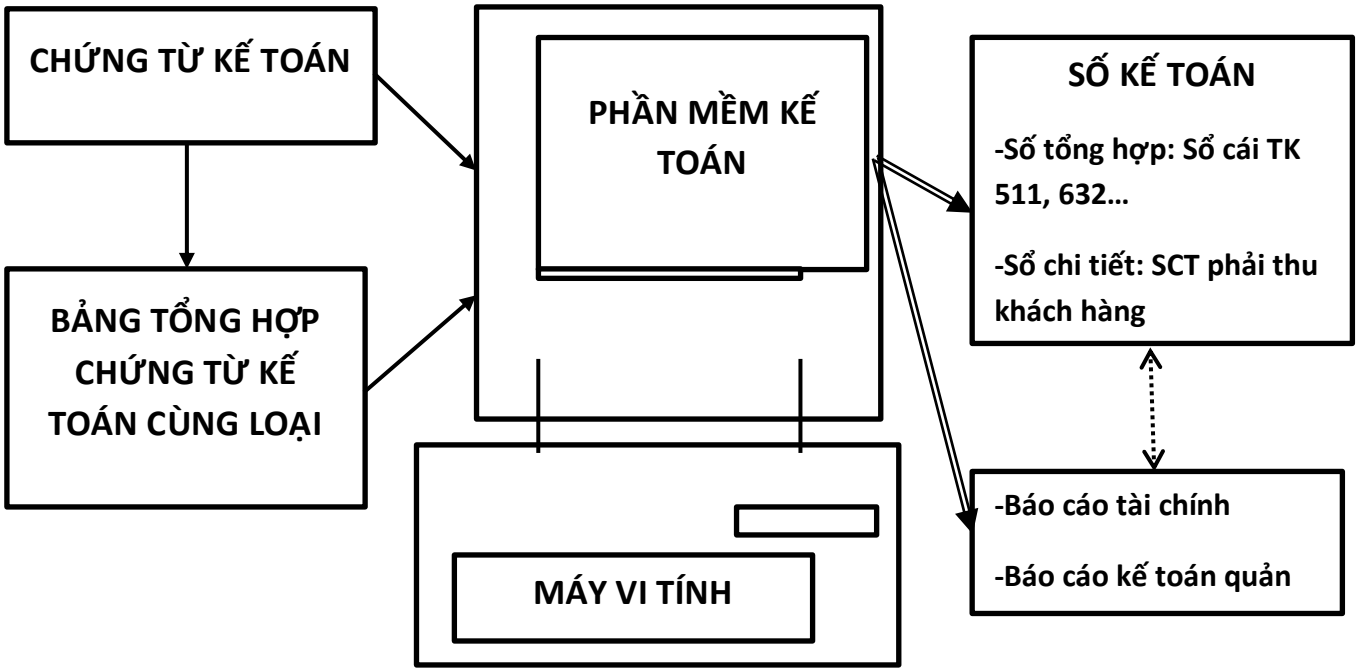

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP HẢI NGỌC

2.1. Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cp Hải Ngọc

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Hải Ngọc

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Hải Ngọc
- Tên tiếng anh : Hai Ngoc Joint Stock Company
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty Cổ phần
- Trụ sở chính : Khu công nghiệp Tiền Hải – Xã Tây Giang – Huyện Tiền Hải – Thái Bình
- Điện thoại: 0227 3782 637
- FAX: 036781506
- Mã số thuế:1000333314

Tiền Hải là một huyện của tỉnh Thái Bình với diện tích khoảng 226 km^2 và dân số khoảng 213.616 người theo thống kê năm 2003. Tiền Hải là 1 huyện có vị trí địa lý quan trọng khi phía tây giáp với huyện Kiến Xương , phía đông giáp Vịnh Bắc Bộ (Biển Đông của Việt Nam) , phía bắc giáp huyện Thái Thụy (là ranh giới sông Trà Lý) phía nam giáp tỉnh Nam Định. Tiền Hải nằm kẹp giữa của biển Trà Lý và Ba Lạt của Sông Hồng.

Với dân cư đông đúc khoảng 945ng/ km^2 thì nhu cầu việc làm cho những người trong độ tuổi lao động là cần thiết. Nắm bắt được tình hình này và tận dụng yếu tố về địa lý nên đầu năm 2003 ông Đinh Vân Trường đã nộp bản đăng ký thành lập doanh nghiệp cho chi cục Thuế Huyện Tiền Hải và đến ngày 23-04-2003 thì chi cục Thuế Huyện Tiền Hải đã cấp giấy phép kinh doanh cho ông Đinh Vân Trường với tên công ty là Công Ty Cổ phần Hải Ngọc . Đến ngày 01-05-2003 thì công ty chính thức đi vào hoạt động tạo điều kiện làm việc cho hơn 2000 công nhân trên địa phương của huyện và các địa phương lân cận

Khi mới thành lập công ty chỉ làm ngành nghề chủ yếu là sản xuất thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh. Sau 14 năm hoạt động thì công ty đã phát triển các ngành nghề đa dạng để giúp người lao động trên địa bàn huyện và các tỉnh lân cận có công ăn việc làm nhưng ngành nghề chính vẫn là sản xuất thủy tinh và các ngành nghề từ thủy tinh

2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.

2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty.

Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh

Bên cạnh ngành sản xuất thủy tinh và các sản phẩm liên quan thì công ty cũng có một số ngành nghề khác mà công ty đang thực hiện như :

+) Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

+) Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

+) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

+) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

+) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

+) Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

+) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

+) Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác

+) Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.

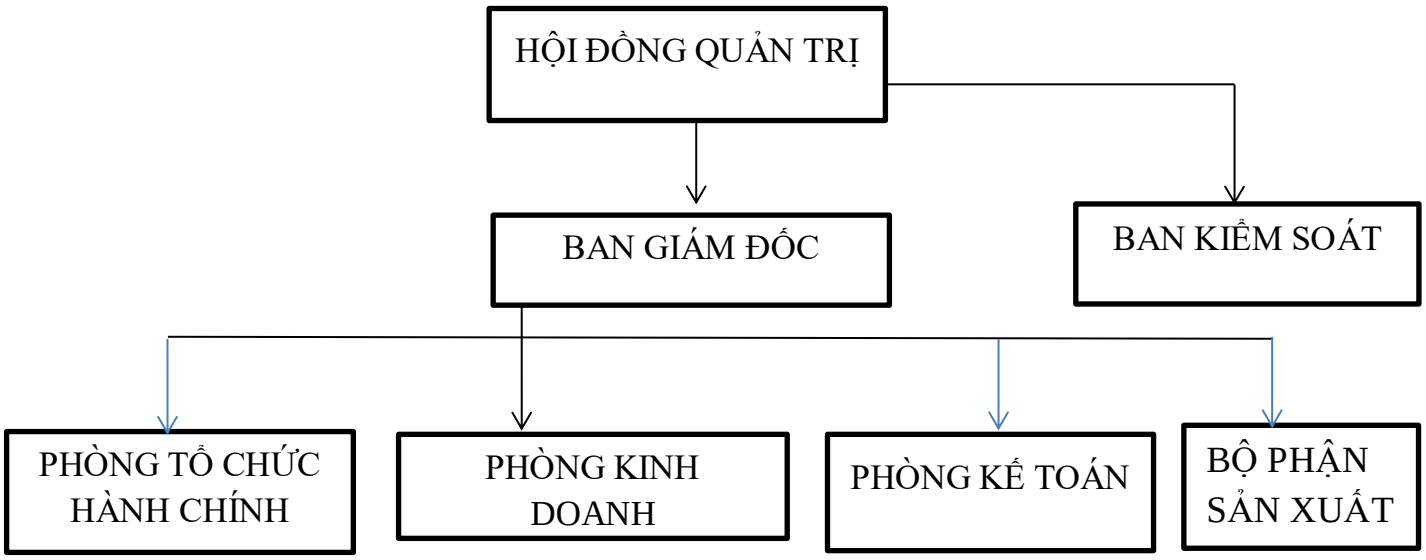

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty CP Hải Ngọc

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

➢ **Hội đồng quản trị :** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của công ty.

➢ **Ban giám đốc:** điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát của hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

➢ **Ban kiểm soát:** kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện quy chế của công ty, kiểm tra bất thường và can thiệp vào hoạt động công ty khi cần.

➢ **Phòng tổ chức hành chính :** tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

- Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.
- Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

➢ **Phòng kinh doanh :** tham mưu cho lãnh đạo về các chiến lược kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh theo tháng, quý , năm
- Giám sát và kiểm tra chất lượng công việc, sản phẩm của các bộ phận khác nhằm mang đến khách hàng chất lượng dịch vụ cao
- Nghiên cứu về thị trường, đối thủ cạnh tranh
- Xây dựng chiến lược phát triển về thượng hiệu

➢ **Phòng kế toán :** giúp giám đốc về công tác kế toán thống kê , thông tin kinh tế, các hoạt động liên quan đến quản lý tài chính.

- Đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Quản lý, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của công ty
- Tổ chức hạch toán , thống kê kế toán , phản ảnh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình luân chuyển các loại vốn trong sản xuất kinh doanh của công ty.
- Cân đối kế hoạch tài chính của công ty , điều hòa các loại vốn trong công ty , quan hệ với ngân hàng và tài chính, cũng như các cổ đông là pháp nhân để tạo nguồn vốn phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.
- Chủ trì trong việc thực hiện định kỳ công tác báo cáo tài chính, kiểm kê, đánh giá tài sản trong công ty, kiến nghị thanh lý tài sản vật tư tồn đọng, kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng.

- Đề xuất kiến nghị với Giám đốc về việc thực hiện các quy chế quản lý tài chính, kế hoạch tài chính, sử dụng các loại vốn vào việc kinh doanh đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh tế, thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, dự thảo đệ trình phương án phân phối lợi nhuận hàng năm theo Điều lệ của Công ty trình Giám đốc.

- Phối hợp với các phòng chức năng khác về việc khai thác, sử dụng các tài sản, máy móc, vật kiến trúc của Công ty một cách có hiệu quả nhất.

- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty để cùng hoàn thành công việc được giao.

- Đề nghị lãnh đạo Công ty : Khen thưởng , kỷ luật , nâng lương , nâng bậc và các quyền lợi khác đối với tập thể và các cá nhân thuộc phòng quản lý

2.1.2.3.Đặc điểm tổ chức kế toán.

a. Mô hình tổ chức kế toán.

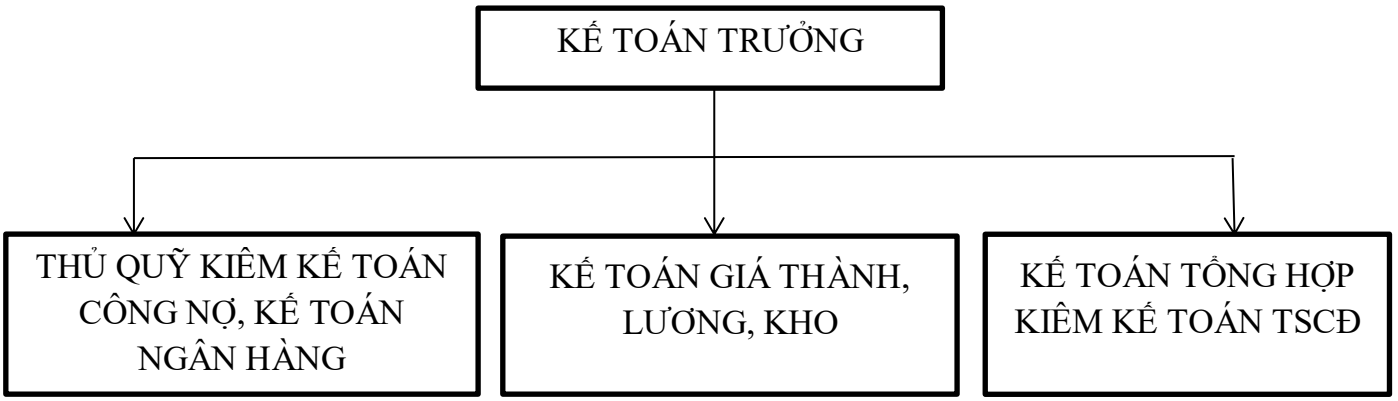

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty CP Hải Ngọc

➢ **Kế toán trưởng** : Là người phụ trách và chịu trách nhiệm trước giám đốc về toàn bộ công tác kế toán của công ty, giám sát chỉ đạo về vấn đề tài chính, tổng hợp các báo cáo của kế toán viên và đưa lên báo cáo tài chính phản ánh toàn bộ quá trình hoạt động của công ty.

➢ **Thủ quỹ kiêm kế toán công nợ và ngân hàng** :

- Quản lý quỹ tiền mặt, vào sổ kế toán hàng ngày

- Quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền, theo dõi từng khoản nợ phải trả, nợ phải thu nhằm đôn đốc việc thanh toán kịp thời, chi tiết cho từng đối tượng nợ.

➢ **Kế toán giá thành, lương, kho** :

- Theo dõi tình hình tang, giảm của vật tư, hàng hóa, căn cứ vào chứng từ nhập kho, xuất kho để vào sổ sách kế toán.

- Tính và thanh toán các khoản tiền lương cho công nhân viên, kiểm tra và phân tích tình hình sử dụng quỹ tiền lương, quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

- Tính giá thành thành phẩm theo đúng quy trình đã quy định.

➢ **Kế toán tổng hợp kiêm kế toán TSCĐ**:

- Theo dõi biến động của tài sản cố định trong kỳ, lập kế hoạch trích khấu hao tài sản đồng thời theo dõi sự biến động về chi phí trong toàn công ty. Trong kỳ có những khoản chi phí phát sinh sẽ được tập hợp để có kết quả kinh doanh chính xác và tìm hướng giải quyết, điều chỉnh cho cân đối với doanh thu.

- Kiểm tra các sổ kế toán chi tiết, cuối kỳ thu thập số liệu tổng hợp của kế toán các phần hành để lập báo cáo kế toán, báo cáo thuế.

- ***b.Hình thức và chế độ kế toán áp dụng***.

- Chế độ kế toán đang áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính và các quyết định , thông tư bổ sung hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Niên độ kế toán: Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng : Đồng Việt Nam (VND)

- Phương pháp tính thuế GTGT : Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ : Công ty tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng (theo thông tư 45/2013/TT-BTC).

- Phương pháp xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh , chi phí tại Công ty CP Hải Ngọc

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu,chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP Hải Ngọc

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty cổ phần Hải Ngọc bán chủ yếu bình hoa thủy tinh và các sản phẩm liên quan đến thủy tinh,… để tạo ra doanh thu cho công ty

- Hình thức thanh toán: thu bằng tiền mặt và bằng chuyển khoản

* Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT:

- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu,Giấy báo có của ngân hàng

* Sổ kế toán sử dụng :

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511

2.2.1.1 Quá trình hạch toán

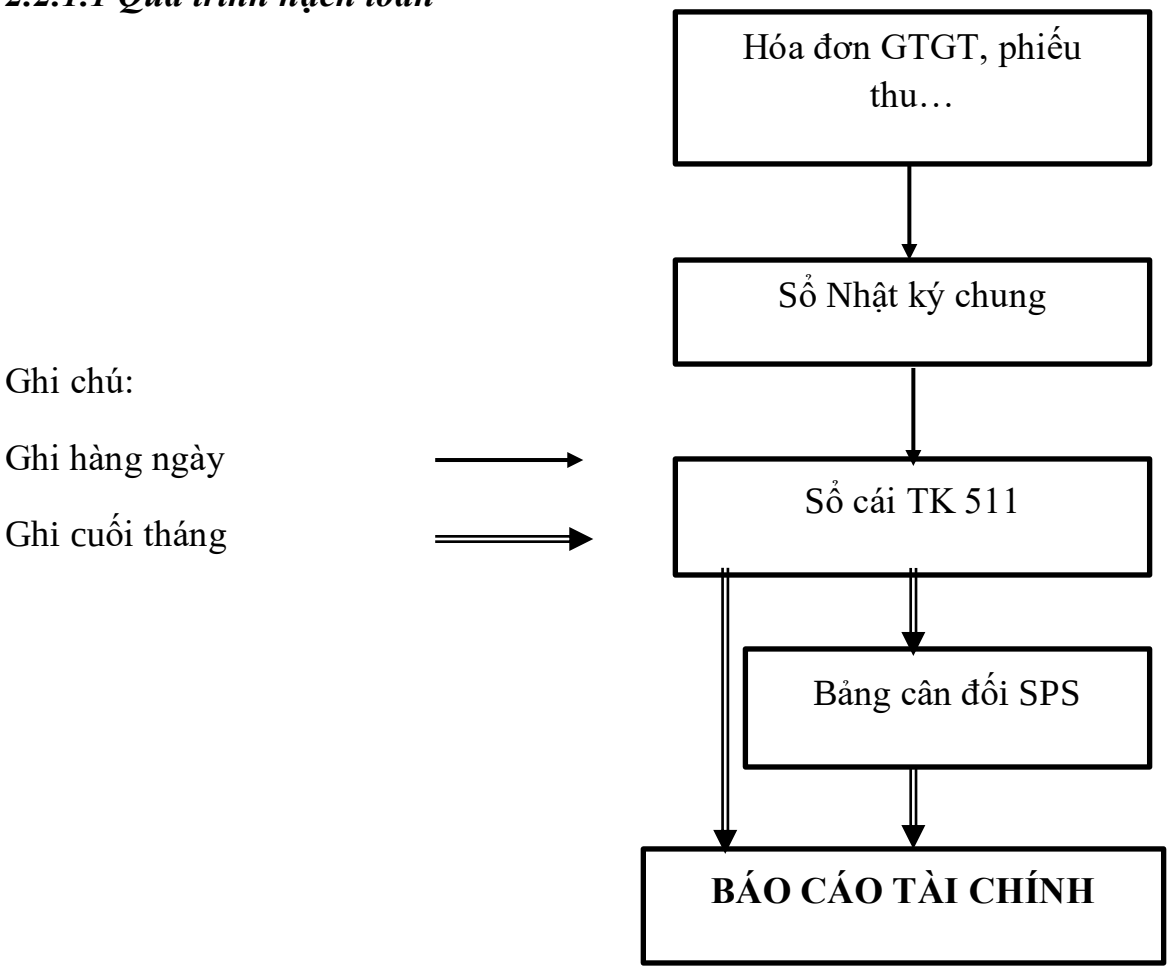

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty Hải Ngọc

Ví dụ minh họa 1:

ngày 10/12 doanh nghiệp bán 1100 bình hoa thủy tinh với giá 29.500đ/lọ. theo HĐGTGT số 0000780.

Kế toán định khoản

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000780(Biểu số 2.1) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

- Nợ TK 131: 35.695.000
- Có TK 511: 32.450.000
- Có TK 3331: 3.245.000

- Từ bút toán trên kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.3), Sổ cái TK 131, Sổ cái TK 333.

- Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1. Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số 01GTKT3/001
Ký hiệu : AA/15P
Liên 3: Nội bộ Số : 0000780
Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC
Địa chỉ : khu công nghiệp Tiền Hải
Số tài khoản: **47110000007110 NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÁI BÌNH**
Điện thoại:0227 3782 637
Mã số thuế: 1000333314

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Sinh Hồng
Tên đơn vị: CÔNG TY THĂNG LONG
Địa chỉ: Số 123 đường Khúc Thừa Dụ, thị trấn Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 0300165327 Sacombank Hải Dương
Mã số thuế: 0200118796

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số ượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Bình hoa thủy tinh	Chiếc	1100	29.500	32.450.000

Cộng tiền hàng: 32.450.000

Thuế suất GTGT : 10%, Tiền thuế GTGT: 3.245.000

Tổng cộng thanh toán : 35.695.000
Số tiền viết bằng chữ :Ba mươi năm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị : đồng

NTGS	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TKĐƯ**	**Số phát sinh**	
	SH	**NT**			**Nợ**	**Có**
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
….	…..	……	……..	…..	……	……
05/12	PC641	5/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	6422 133 111	603.310 60.331	 663.641
….	…….	…..	…….	……	…….	……
10/12	HĐ0000780 GBC112	10/12	Bán 1100 bình hoa thủy tinh	112 511 3331	35.695.000	 32.450.000 3.245.000
…..	…….	…..	……	….	……..	……..
			Tổng cộng		**27.805.411.784**	**27.805.411.784**

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký tên,họ tên)	(ký tên,họ tên)	(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.3: Trích sổ cái TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ CÁI

Năm 2016

Số hiệu tài khoản :511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
05/12	HĐ000774	16/12	Bán 500 bình hoa cho công ty Minh Hà	112		15.300.000
07/12	HĐ000776	17/12	Bán 100 bình hoa cho khách sạn Victory thu tiền mặt	111		3.020.000
10 /12	HĐ000780	30/12	Bán 1100 bình hoa	112		32.450.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	3.255.015.349	
			Cộng số phát sinh		3.255.015.349	3.255.015.349
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên,đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Hải Ngọc

2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP Hải Ngọc

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như đồ bằng thủy tinh và một số sản phẩm khác… Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước :

$$\textit{Đơn giá bình quan sau lần nhập thứ i} = \frac{\textit{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i}}{\textit{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}$$

2.2.2.2 Chứng từ và t1ài khoản sử dụng

- ***Chứng từ kế toán sử dụng***
- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan
- ***Tài khoản sử dụng***
- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa
- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 156, 632…
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156… lập bảng cân đối số phát sinh
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.3 Quy trình hạch toán

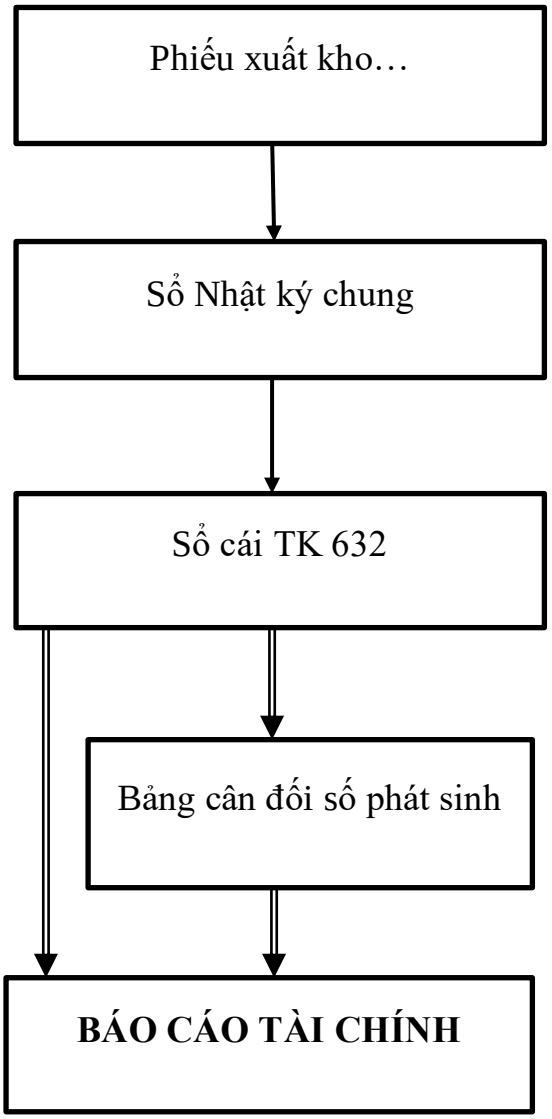

Ghi chú:

Ghi hàng ngày ⟶

Ghi cuối tháng ⟹

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty CP Hải Ngọc

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.2: (minh họa tiếp ví dụ 2.1)

Tính đơn giá xuất kho lọ hoa thủy tinh theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 1000 bình, đơn giá 25.500đ/bình

Trị giá tồn đầu kỳ = 1000 x 25.500 = 25.500.000

- Ngày 5/12 nhập kho 1500 bình, đơn giá 24.300/bình

Trị giá nhập kho ngày 5/12 = 1500 x 24.300 = 36.450.000

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn ngày 10/12} = \frac{1000 \times 25.500 + 1500 \times 24.300}{1000 + 1500} = 24.780 \text{ đồng}$$

Trị giá xuất kho ngày 10/12 = 1100 x 24.780 = 27.258.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.4) kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5).và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.6).

Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho số 981

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Số: 981

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Đoàn

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do xuất kho : Bán hàng

Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	SL thực nhập		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1		2	3
1	Xuất lọ hoa thủy tinh		Bình	1100	1100	24.780	27.258.000
	Cộng						27.258.000

Tổng số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu hai trăm lăm mươi tám ngàn đồng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(ký, họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Biểu số 2.5: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị : đồng

	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
….	…..	……	……..	…..	……	……
05/12	PC641	5/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	6422 133 111	603.310 60.331	 633.641
….	…….	…..	……	……	……..	……
10/12	PXK981	10/12	Xuất bán lọ hoa	632 156	27.258.000	 27.258.000
10/12	HĐ0000780 PT511	10/12	Bán 1100 lọ hoa	112 511 3331	35.695.000	 32.450.000 3.245.000
	…...	……	……	…….	……	……..
			Tổng cộng		**27.805.411.784**	**27.805.411.784**

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký tên,họ tên)	(ký tên,họ tên)	(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.7: Trích sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
2/12	PXK810	2/12	Bán 100kg cát trắng cho công ty văn thiên	156	15.150.000	
10/12	PXK981	10/12	Bán 1100 lọ hoa	156	27.258.000	
17/12	PXK990	17/12	Bán cát trắng	156	9.300.000	
….	……..	…..	…… …..	….	…….	…….
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		2.865.252.884
			Cộng số phát sinh		2.865.252.884	2.865.252.884
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên,đóngdấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cp Hải Ngọc [5]

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản: Tiền lương trả cho Giám đốc, lương cho nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản trích theo lương, các khoản thuế, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng,…

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng***

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.3 Quy trình hạch toán

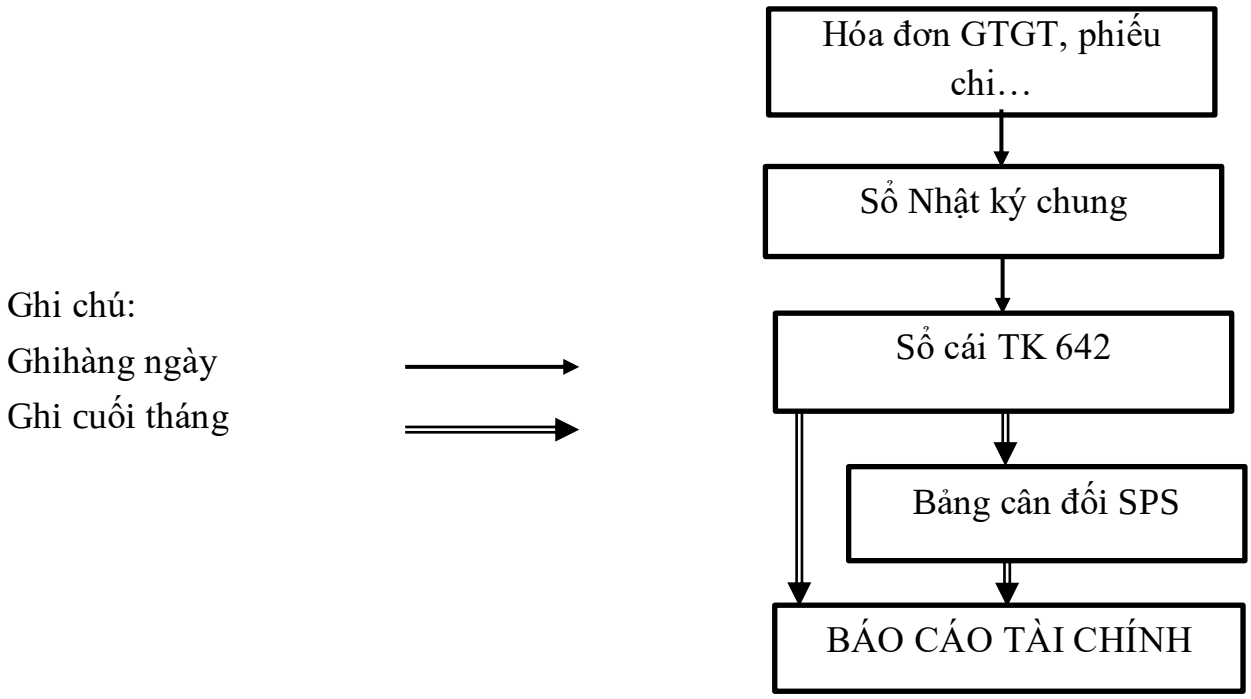

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty CP Hải Ngọc

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ,… kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào sổ liệu trên Sổ nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 642
- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: Ngày 8/12/2016 thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng tháng 11, tổng số tiền thanh toán 1.168.340 (thuế GTGT 10%)

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT 2977018 (Biểu số 2.8), phiếu chi (Biểu số 2.9) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản.

Nợ TK 642: 1.062.127
Nợ TK 133: 106.213
Có TK 111: 1.168.34

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.10) sau đó phản ánh vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.11), TK 111, TK 333Cuối kỳ, từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.8. Hóa đơn dịch vụ viễn thông

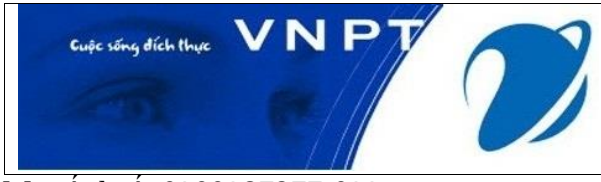	**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)** TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)	Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AA/12P Số (No): 2977018 16092612112012

Mã số thuế: 0200287977-022
Viễn thông (Telecommunication): Thái Bình chi nhánh Tiền Hải
Địa chỉ: Đường Phạm Ngọc Bích Thị trấn Tiền Hải
Tên khách hàng (Customer's name): Công ty CP Hải Ngọc
Địa chỉ (Address): khu công nghiệp Tiền Hải
Số điện thoại (Tel): Mã số (code):
Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): TM/CK MST:

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6
	Kỳ cước tháng11/2016 a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				 1.062.127 0 0 0 0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1.062.127
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%x(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):					106.213
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					1.168.340

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.9: Phiếu chi 663

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Số: 663

Nợ TK 642: 1.062.127

Nợ TK 133: 106.213

Có TK 111: 1.168.340

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Tâm

Địa chỉ: Phòng KT-TC

Lý do chi: Nộp tiền điện thoại

Số tiền: 1.168.340 (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị : đồng

	Chứng từ		**Diễn giải**	**TK ĐƯ**	**Số phát sinh**	
	SH	**NT**			**Nợ**	**Có**
A	B	C	D	E	F	I
….	…..	……	……..	…..	……	……
05/12	PC641	5/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	6422 133 111	603.310 60.331	 663.641
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
08/12	PC663	08/2	Chi tiền điện thoại BPQL-T11	6422 133 111	1.062.127 106.213	 1.168.340
….	…….	…..	…….	……	……..	……
10/12	HĐ0000780 GBC	10/12	Bán 1100 lọ hoa	112 511 3331	35.695.000	 32.450.000 3.245.000
	…..	……	…… ……	…….	…….	……..
			Tổng cộng		**27.805.411.784**	**27.805.411.784**

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký tên,họ tên)	(ký tên,họ tên)	(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.11: Trích Sổ cái TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ Cái

Năm 2016

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: TK 642

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
7/12	PC662	7/12	Thanh toán tiền Internet T11	111	270.000	
8/12	PC663	8/12	Thanh toán tiền điện thoại BPBH T11	111	1.062.127	
	……	…….	……	……..	……..	……
31/12	BLT12	31/12	Tiền lương T12 của nhân viên	334	46.538.889	
31/12	BPBLT12	31/12	Trích BHXH, BHYT, BHTN	338	11.169.334	
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		331.925.506
			Cộng số phát sinh		331.925.506	331.925.506
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên,đóngdấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP HẢI NGỌC

2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP HẢI NGỌC

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng***

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

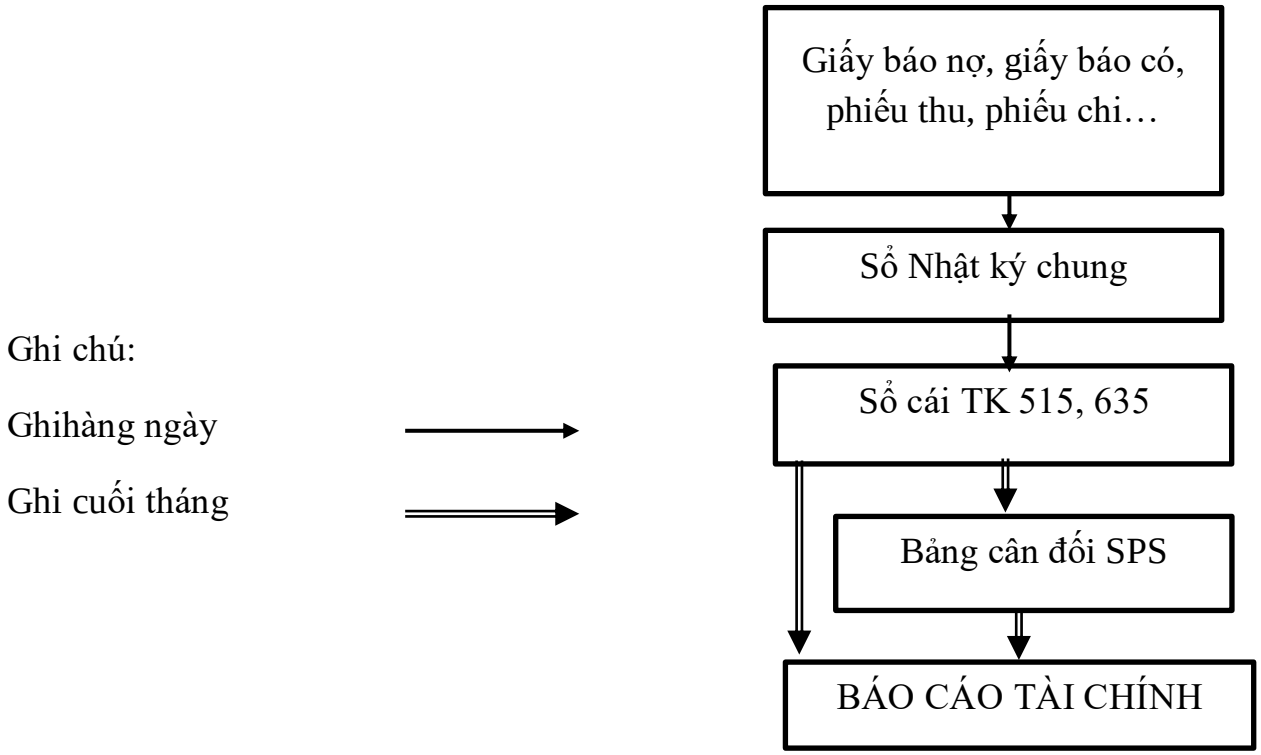

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính của Công ty CP HẢI NGỌC

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng, phiếu chi, phiếu thu, bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay… kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635.
- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.4: Ngày 31/12/2016 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho ông Nguyễn Văn An số tiền 1.468.009 VNĐ

Căn cứ vào phiếu chi (Biểu số 2.12) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635: 1.468.009

Có TK 111: 1.468.009

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.15). Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.5: Ngày 31/12 Ngân hàng vietcombank – PGD TD ngân hàng thông báo lãi nhập vốn là 103.781 VNĐ

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.13) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 112: 103.781

Có TK 515: 103.781

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.16) và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng vietconbank

Cuối kỳ, từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.12: Phiếu chi 694

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 694
Nợ TK 635: 1.468.009
Có TK 111: 1.468.009

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Văn An
Địa chỉ: Tây Lương Tiền Hải Thái Bình
Lý do chi: Thanh toán tiền lãi vay tháng 12
Số tiền: 1.468.009 (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn không trăm linh chín đồng./.
Kèm theo: 01 chứng từ gốc
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Giấy báo Có

NGÂN HÀNG VIETCOMBANK
Chi nhánh: TIỀN HẢI THÁI BÌNH

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2016
Mã GDV: Nguyễn Như Quỳnh
Mã KH: 749942
Số GD:

Kính gửi: CTY CP HẢI NGỌC
Mã số thuế:
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:
Số tài khoản ghi CÓ: 771A56027194
Số tiền bằng số: 103.781
Số tiền bằng chữ: Một trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng.
Nội dung: Lãi nhập vốn tháng 12

Giao dịch viên	Kiểm soát
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị : đồng

	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
….	…..	……	……..	…..	……	……
08/12	PC663	08/12	Chi tiền điện thoại BPBH T11	642 133 111	1.062.127 106.213	 1.168.340
….	…….	…..	……..	……	…….	……
17/12	PXK990 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán cát Trắng	632 156 111 511 3331	9.300.000 10.615.000	 9.300.000 9.650.000 965.000
	….	…….	……	……	……	……
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vaytháng 12 cho ông An	635 111	1.468.009	 1.468.009
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112 515	103.781	 103.781
	…..	……	……	…….	…….	……..
			Tổng cộng		**27.805.411.784**	**27.805.411.784**

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký tên,họ tên)	(ký tên,họ tên)	(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên TK: Chi phí tài chính
Số hiệu: TK 635

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
…..	…..	…..	……	…	……..	……
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vay t12 cho ông An	111	1.468.009	
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		46.568.568
			Cộng số phát sinh		46.568.568	46.568.568
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên,đóngdấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu: TK 515

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
….	……	……	…….	……..	……	**……**
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112		10.781
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.063.295	
			Cộng số phát sinh		1.063.295	1.063.295
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên,đóngdấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác : Công ty ko có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ nghiên cứu.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc

2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

- Phiếu kế toán

❖ ***Tài khoản sử dụng***

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK khác có liên quan.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 421…

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.6: Xác định kết quả kinh doanh năm 2016

Trong năm doanh nghiệp kinh doanh lãi: 9.865.349

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh năm 2016 lãi. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 042, 043, 044, 045, 046, 047, 048, 049 (Biểu số 2.17, 2.18, 2.19, 2.20).

Từ phiếu kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21), sau đó từ Sổ nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.22), Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.23).

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.24) và Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 42

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	3.255.015.349
	Cộng			3.255.015.349

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 43

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.063.295
	Cộng			1.063.295

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 44

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển giá vốn	911	632	2.865.252.884
	Cộng			2.865.252.884

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 45

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	46.568.568
	Cộng			46.568.568

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 46

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	331.925.506
	Cộng			331.925.506

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 47

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Chi phí thuế TNDN	821	3334	2.466.337
	Cộng			2.466.337

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.10: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 48

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	2.466.337
	Cộng			2.466.337

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 49

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển lãi	911	421	9.865.349
	Cộng			9.865.349

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.21: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511	3.255.015.349	
			911		3.255.015.349
PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515	1.063.295	
			911		1.063.295
PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	2.865.252.884	
			632		2.865.252.884
PKT45	31/12	Kết chuyển CPTC	911	46.568.568	
			635		46.568.568
PKT46	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	331.925.506	
			642		331.925.506
PKT47	31/12	CP thuế TNDN	821	2.466.337	
			3334		2.466.337
PKT48	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	2.466.337	
			821		2.466.337
PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	911	9.865.349	
			421		9.865.349
……	….	……..	…..	…….	……
		Tổng cộng		**27.805.411.784**	**27.805.411.784**

Ngày….tháng…. năm

Kế toán ghi sổ (ký tên,họ tên) | Kế toán trưởng (ký tên,họ tên) | Giám đốc (ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Ngày mở sổ: 01/01/2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
	PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511		3.255.015.349
	PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		1.063.295
	PKT44	31/12	Kết chuyển GVHB	632	2.865.252.884	
	PKT45	31/12	Kết chuyển CPTC	635	46.568.568	
	PKT46	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	331.925.506	
	PKT48	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	2.466.337	
	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	421	9.865.349	
			Cộng số phát sinh		**27.805.411.784**	**27.805.411.784**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên,đóngdấu)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số hiệu: TK 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			**27.271.718**
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	911		9.865.349
			Cộng số phát sinh		37.137.067	37.137.067
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên,đóngdấu)

BÁO CÁO KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2016

Mã số thuế: **1000333314**

Người nộp thuế: **Công ty cổ phần Hải ngọc**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	3,255,015,349	2,737,338,111
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		3,255,015,349	**2,737,338,111**
4	Giá vốn hàng bán	11		2,865,252,884	2,398,948,845
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**389,762,465**	**338,389,266**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,063,295	54,518
7	Chi phí tài chính	22		46,568,568	64,225,402
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46,568,568	64,225,402
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		331,925,506	240,128,734
9	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 – 24)**	**30**		**12,331,686**	**34.089.648**
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**0**	**0**
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**	IV.09	**12,331,686**	**34.089.648**
14	Chi phí thuế TNDN	51		2,466,337	6.817.930
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)**	**60**		**9,865,349**	**27.271.718**

Người ký:

Ngày ký: 12/02/2017

CHƯƠNG III.
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP HẢI NGỌC

3.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn đó 2010-2020 là giai đoạn củng cố hội nhập, giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

3.2 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc

Là một doanh nghiệp mới thành lập không lâu nhưng được đầu tư cơ sở kỹ thuật công ty có những biến chuyển tích cực trong hoạt động kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản hoặc giải thể. Do nhận thức kịp thời sự chuyển biến của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu thị trường, công ty đã có những phương hướng, giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục được những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được sự phát triển của nền kinh tế.

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm than thiết và càng thêm gắn bó với công ty.

Trong xu thế phát triển của mình, Công ty luôn tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, vì thế Công ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành và đưa ra mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất đem lại lợi ích cho người tiêu dùng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.2.1 Ưu điểm

Là một doanh nghiệp luôn đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của công ty.

- ***Về tổ chức bộ máy kế toán***

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên. Trong phòng kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công việc cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

- ***Về chứng từ kế toán sử dụng***

Công ty sử dụng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp lớn (Ban hành theo số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính và các quyết định , thông tư bổ sung hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp.

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu. Được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian

Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ Doanh nghiệp (số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính và các quyết định , thông tư bổ sung hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp.)

Về phương thức thanh toán

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán tiền mặt được sử dụng nhiều hơn cả.

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu được công ty sử dụng với phương thức bán lẻ tại cửa hàng, bán buôn với một số khách hàng.

Còn phương thức thanh toán chuyển khoản được công ty sử dụng chủ yếu trong phương thức bán buôn với lượng hàng lớn. Vì phương thức bán buôn thường là những đơn hàng trị giá lớn nên thanh toán chuyển khoản giúp công ty

kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát,…

3.2.2 Hạn chế

❖ **Về sổ sách sử dụng:**

Việc tập hợp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng Công ty vẫn còn rất hạn chế trong việc mở Sổ chi tiết cho các tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty. Cụ thể là đối với sổ chi tiết:

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về lãi gộp.
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này nahừm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì công ty có rất nhiều mặt hàng khác nhau. Khi công ty không mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc kinh doanh.
- Công ty chưa mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh do đó không có thông tin về các yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí này.

❖ ***Về tài khoản sử dụng***

Chi phi quản lý doanh nghiệp được tập hợp chung trên TK 642 – "Chi phí quản lý kinh doanh" mà không được chi tiết theo từng khoản mục, ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí. Chi phí này thường khá lớn trong tổng chi phí, do vậy công ty cần chi tiết tài khoản này theo chế độ, đảm bảo việc theo dõi được chặt chẽ, góp phần giảm chi phí gián tiếp cho công ty.

❖ ***Về chính sách bán hàng:***

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

❖ ***Về thời điểm ghi chép sổ sách kế toán:***

Hiện nay, đa số các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh được ghi vào cuối kỳ, cùng vào thời điểm lập Báo cáo tài chính nên công việc kế toán tại phòng kế toán bị dồn vào cuối năm rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

3.3 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty Hải Ngọc

3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích và mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quản kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận nhất và tiết kiệm chi phí đến mức có thể. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải tổ chức khâu quản lý chặt chẽ và hiệu quả.

Mặt khác, kế toán tài chính giống như "quả tim" của doanh nghiệp, nó cho biết được "tình trạng sức khỏe" của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém thì tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cũng không hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là hết sức cần thiết.

Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.3.2 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Hải Ngọc

Dựa trên những hạn chế đã nêu ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

Ý kiến 1:Áp dụng phần mềm kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

*** Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

Công ty hiện đang thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định 48 ban hành ngày 14/9/2006. Từ 2017 chuyển sang thông tư 133/2016/TT-BTC, phần mềm kế toán Misa 2017 có hỗ trợ doanh nghiệp làm theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đày đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho,…phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Các phân hệ của MISA:

MISA SME.NET 2017 không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp rất trực quan và dễ hiểu cho người

sử dụng. MISA SME.NET 2017 có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy tính với chi phí hợp lý

*** Phần mềm kế toán FAST Accounting 11**

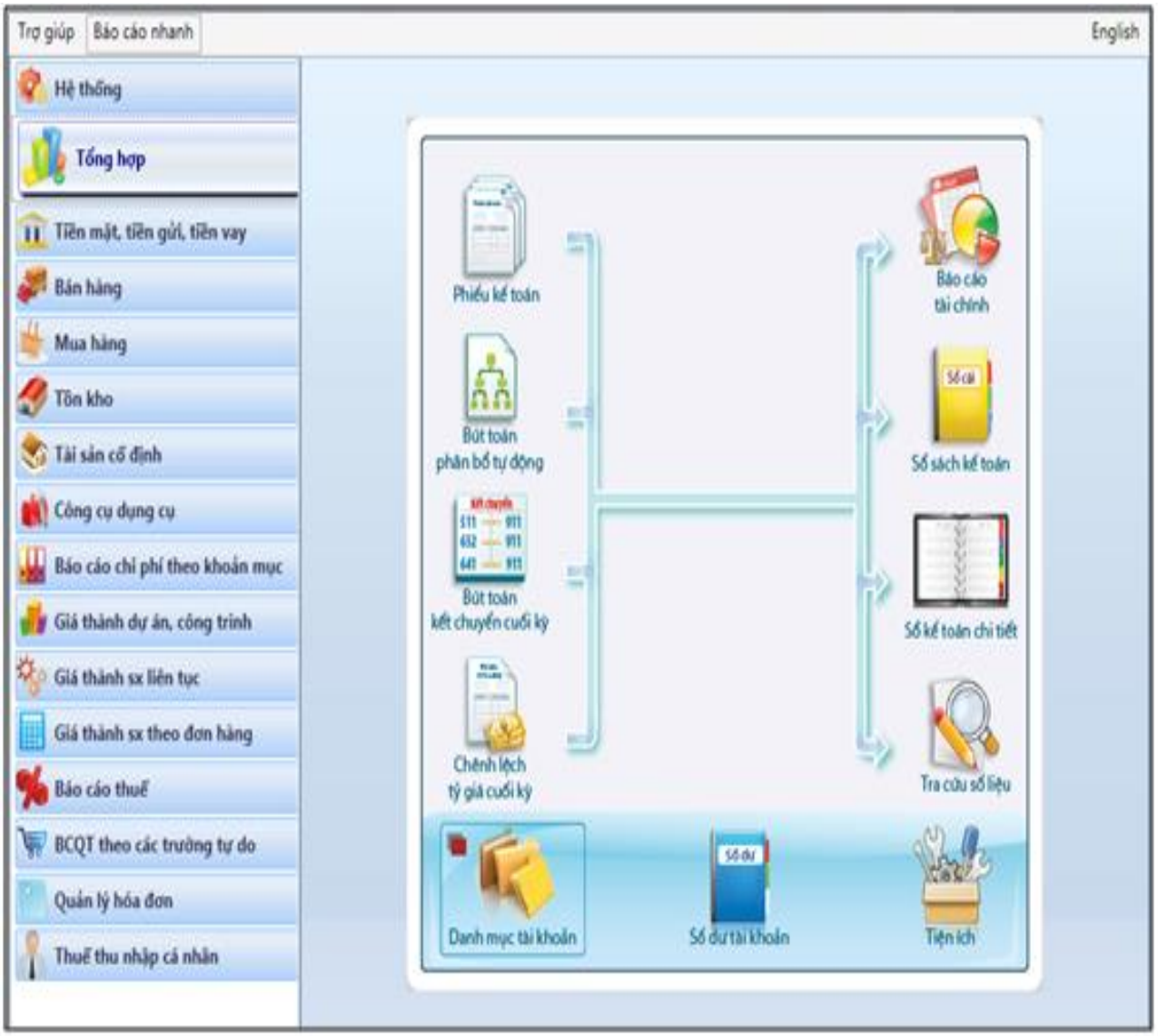

Giá: 6.000.000 - 8.000.000

CHỨC NĂNG:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thế chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

❖ ***Ý kiến 2:*** Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty

Tại Công ty CP Hải Ngọc kế toán chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu của tất cả các mặt hàng mà không mở riêng cho từng loại. Khi hạch toán doanh thu bán hàng kế toán cần hạch toán chi tiết doanh thu bán của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, lãi gộp của từng mặt hàng. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiến thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

Khi hạch toán Giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng hóa bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng hàng hóa bán ra thì Công ty mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đối với chi phí Quản lý kinh doanh, doanh nghiệp chưa chi tiết theo yếu tố chi phí. Hạch toán chi tiết ra Công ty mới kiểm soát được chitiêu để từ đó đưa ra được những biện pháp thích hợp nhằm mục đích cắt giảm chi phí nâng cao lợi nhuận. Vì vậy Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: bình hoa

Năm: 2016

NTGS			Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521)
							Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			…				…			
30/12	HĐ 0000780	10/12	Bình hoa thủy tinh	112	1100	29.500		32.450.000		
			…							
			Cộng SPS					580.470.615		

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, hộ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGỌC

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Bình hoa

Năm: 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
	SH	NT				SL	Thành tiền
A	B	C	D	E		5	6
			…				
30/12		30/12	Bình hoa thủy tinh	156	24.780	1100	27.258.000
			…				
			Cộng SPS				510.814.141

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, hộ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

❖ ***Ý kiến 3:*** Chiết khấu thương mại

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như: Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp. Cụ thể:

- Với những khách hàng quen thuộc, thường xuyên nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Tùy theo loại hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 1% đến 5% trên trị giá lô hàng được áp dụng chi tiết với từng giá trị đơn hàng.

Ví dụ: chiết khấu thương mại bình hoa

- Với đơn hàng từ 100 - 500 bình hoa thì doanh nghiệp áp dụng mức giá chiết khấu 1%
- Với đơn hàng từ 500 -1000 bình hoa thì doanh nghiệp áp dụng mức giá chiết khấu 2 -3%
- Với đơn hàng trên 1000 bình hoa thì doanh nghiệp áp dụng mức giá chiết khấu 3 -4%

Với chính sách chiết khấu nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng.

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ (5211-Chiết khấu thương mại)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, …

Ví Dụ: Ngày 23/12 công ty Vĩnh Thái mua 1200 bình hoa với giá 29.000đ/bình.

Nợ TK 521:1.740.000

Nợ TK 3331:174.000

Có TK 131:1.914.000

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Về lý thuyết: Đã hệ thống lại quá trình kế toán doanh thu ,chi phí và xác định KQKD tại công ty CP Hải Ngọc

Về thực tế: Mô tả chi tiết công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định KQKD tại công ty CP Hải Ngọc

Trên cơ sở đánh giá ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Hải Ngọc bài viết đưa ra một số kiến nghị sau :

- Áp dụng phần mềm kế toán
- Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty
- Về chính sách bán hàng : chiết khấu thương mại...

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo - THS Trần Thị Thanh Thảo và các anh chị phòng kế toán công ty cổ phần Hải Ngọc cùng toàn thể các thầy cô giáo khoa quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này

Sinh viên

Hoàng Thị Lý

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp* theo Quyết định 48 (2006), Bộ Tài chính.
2. Bộ Tài chính, *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp* theo Thông tư 133(2016), Bộ Tài chính.
3. Bộ Tài chính, 333 sơ đồ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính (2012).
4. Bộ Tài chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 100 (2015), Bộ Tài chính.
5. Trần Xuân Nam, Kế toán tài chính, Nhà Xuất bản Thống kê (2012).
6. Sổ sách, tài liệu của công ty.